TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 198/2021/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 04 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 132/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Phan Thanh D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ H, phường Q, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

* Bị đơn: Anh Lê Kim V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thanh D và anh Lê Kim V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thanh D và anh Lê Kim V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Khi ly hôn chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Kim T, sinh ngày 21/01/2011 và anh Vinh là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chung Lê Kim TA, sinh ngày 21/01/2011 cho đến khi con thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Con chung là Lê Khánh L, sinh ngày 30/01/2002 hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường, đủ sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân nên các đương sự không có ý kiến. Anh V và chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về nợ chung, cho vay chung: chị D và anh V xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị D tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004581 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Hoàn trả chị D 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc